

Số: 299 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0268.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Xí Nghiệp Cấp Nước KCN An Nghiệp, phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 6/5/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)

Lượng mẫu : 1,5L x 3 + 500mL

Ngày nhận mẫu : 06/05/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	07/05/2020
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	07/05/2020
3	Amoni (mg/L)	US - EPA - 350.2 - 1997	0,1	3	07/05/2020
4	Asen tổng số (mg/L)	Phản ứng màu Mercury(II) bromide	0,00	0,01	07/05/2020
5	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,96	2	07/05/2020
6	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,33	0,3 - 0,5	07/05/2020
7	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ B - 2012 (*)	248,00	250,00	07/05/2020
8	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	288,00	300,00	07/05/2020
9	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,52	2	07/05/2020
10	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	3,14	15	07/05/2020
11	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	0,06	0,3	07/05/2020
12	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	07/05/2020
13	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	0,6	50	07/05/2020
14	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	07/05/2020
15	pH	TCVN 6492:2011 (*)	6,96	6,5 - 8,5	07/05/2020
16	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,07	0,3	07/05/2020
17	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	193,5	250	07/05/2020

Mã số mẫu: 0268.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
18	Natri (Na)	HD. PP.19/TT.AAS – Ref. SMEWW 3120B – 2017 (**)	75,6 mg/L	≤ 200 mg/L	19/05/2020
19	Benzen	EPA 5021A (**)	Không phát hiện MLOD= 1 µg/L	≤ 10 µg/L	14/05/2020
20	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B – 2017 (a) (**)	< MLOQ = 0,001 mg/L	≤ 0,01 mg/L	12/05/2020
21	Nhôm (Al)	SMEWW 3120 B – 2017 (a) (**)	Không phát hiện MLOD= 0,009 mg/L	≤ 0,2 mg/L	13/05/2020
22	Phenol và dẫn xuất phenol	HD. PP.46/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD= 1,00 µg/L	≤ 1 µg/L	12/05/2020
23	Thủy ngân (Hg)	HD. PP.21/TT.AAS – Ref. SMEWW 3125B – 2017 (**) (ICP-MC)	Không phát hiện MLOD= 0,00008 mg/L	≤ 0,001 mg/L	19/05/2020
24	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C – 2017 (a) (**)	664,80 mg/L	≤ 1000 mg/L	13/05/2020

(*), (a): Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

(**) Phương pháp thử do nhà thầu phụ thực hiện (Viện Y tế Công Cộng TP. HCM).

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The method limit of detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The method limit of quantification.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

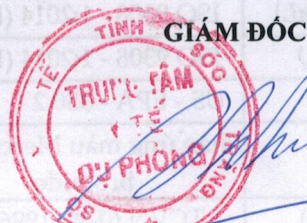
Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

Sóc Trăng, ngày 26 tháng 5 năm 2020

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Quách Vĩnh Thuận

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

Số: 300 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0269.20



VILAS 537

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Trạm 3 giếng, KCN An Nghiệp, phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 6/5/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC)

Lượng mẫu : 1,5L + 500mL

Ngày nhận mẫu : 06/05/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	07/05/2020
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	07/05/2020
3	Amoni (mg/L)	US - EPA - 350.2 - 1997	0,12	3	07/05/2020
4	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,8	2	07/05/2020
5	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,31	0,3 - 0,5	07/05/2020
6	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ B - 2012 (*)	218,00	250,00	07/05/2020
7	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	268,00	300,00	07/05/2020
8	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,49	2	07/05/2020
9	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	3,71	15	07/05/2020
10	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	0,05	0,3	07/05/2020
11	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	07/05/2020
12	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	0,96	50	07/05/2020
13	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	07/05/2020
14	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,00	6,5 - 8,5	07/05/2020
15	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,03	0,3	07/05/2020
16	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	203,1	250	07/05/2020

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Mã số mẫu: 0269.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

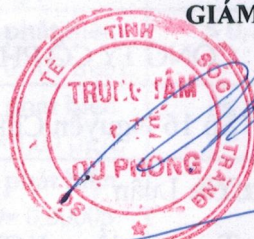
Sóc Trăng, ngày 26 tháng 5 năm 2020

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

[Signature]

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

GIÁM ĐỐC



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

1	Coliform tổng số (CFU/100mL)	ISO 9208 - 1:2014 (B) (*)	0	0
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9208 - 1:2014 (B) (*)	0	0
3	Amoni (mg/L)	ISO - EPA - 350.2 - 1997	0,12	0,12
4	Chỉ số fecalococci (mg/L)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,8	0,8
5	Clorua (mg/L)	SMENW 4500 - Cl - 2012	0,31	0,3 - 0,5
6	Clorua (mg/L)	SMENW 4500 - Cl - 2012	218,00	250,00
7	Độ cứng tổng cộng tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMENW 2340C - 2012 (*)	268,00	300,00
8	Độ đục (NTU)	SMENW 2100B - 2012	0,40	2
9	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMENW 2100C - 2012 (*)	3,71	15
10	Mangan tổng số (mg/L)	SMENW 3500 Mn - B - 2012 (*)	0,05	0,3
11	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
12	Kim loại nặng (mg/L)	TCVN 6180 - 1996	0,95	50
13	Vi sinh (mg/L)	SMENW 4500 - NO ₃ - B - 2012 (*)	Không phát hiện	3
14	pH	TCVN 6052:2011 (*)	7,00	6,5 - 8,5
15	Độ cứng tổng cộng (mg/L)	SMENW 3500 Ca - B - 2012	0,03	0,3
16	Sulfat (mg/L)	SMENW 457 C - 2012	20,1	250